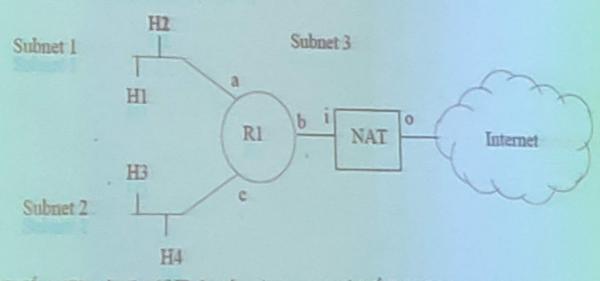
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI VIỆN DIỆN TỪ - VIỆN THỐNG Để số: 2 Tổng số trang: 4 Ký duyệt Trường nhóm Môn học: | | DE THI MÔN: MẠNG MÁY TÍNH Lần thị: 1 Ngày thị: 27/12/2016 Thời gian làm bài: 90 phút (Duye sử dụng tài liệu. Làm bài vào để đái) Trường Bộ môn: | |
|---|--|---|-------|
| Họ và tên: | | Lóp: | MSSV: |

Phần I: Bài tập - 6 điểm

Bài I (3 diễm)

Giá thiết ban có một mạng máy tính lớn ở nhà trong đó cổ muốn chia subnet để có thể tách biệt các máy tính cho mục dích cá nhân và máy tính công việc. Cổ có một Router và một thiết bị NAT và kết nổi với mạng Internet như hình vẽ đười đây. ISP chí cũng cấp cho Lan duy nhất địa chỉ IP để ở giao diện ngoài (o) của thiết bị NAT. Theo RFC 1918, Lan có thể sử dụng một trong ba dái địa chỉ sau để gán cho các máy tính của mình:

10.0.0.0 đến 10.255.255.255 (10/8) 172.16.0.0 đến 172.31.255.255 (172.16/12) . 192.168.0.0 đến 192.168.255.255 (192.168/16)



Câu 1(2 điểm): Hãy gắn địa chỉ IP cho các subnet, router và thiết bị NAT xir dụng dài địa chỉ 10.x

| Subnet | Number | Netmask | |
|-----------|----------|---------------|--|
| Subnet 1 | 10.0.1.0 | 255.255.255.0 | |
| Subnet 2 | 10.0.2.0 | 255.255.255.0 | |
| Subject 3 | 10.03.0 | 255.255.255.0 | |

Display Setting

Cầu 2 (1 điểm): Giá thiết thiết bị NAT không hỗ trợ giao thức gi đặc biệt chi đơn thuần ánh xạ giữa địa chi IP và công ứng dụng TCP. Hãy lấy vi dụ về một ứng dụng mà khi hoạt động sẽ sử dụng chức năng NAT của thiết bị NAT và về chi tiết các thống số địa chi IP và công TCP trong bằng NAT. Giá thiết địa chi IP do ISP cấp là 203.168,1.32

| Dịa chỉ IP nội bộ | Cổng ứng dụng nguồn | Dịa chỉ IP công cộng | Công ứng dụng đích |
|-------------------|---------------------|----------------------|--------------------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Bắt kỳ miễn hợp lý.

Bài 2 (3 điểm)

Xem hình dưới đây về cứu số tắc nghên của một kết nối TCP (Reno) theo thời gian. Trọc x thể hiện thời gian truyền (Transmission Round) trong đó mỗi vạch thể hiện một (01) RTT giá thiết cả gói dữ liệu và gói ACK đền có thời gian truyền ko đáng kể. Trực y thể hiện kích thước cứa số tắc nghên (Congestion Window) tính theo đoạn dữ liệu (Segment). Hãy sử dụng bằng ở dưới để xác định các khoảng thời gian: SS (Slow Start), CA (Congestion Avoidance) tương ứng, giá trị mức ngường SS (ssthrest) trong các khoảng thời gian đó và lý do chuyển trạng thái (ví dụ từ SS sản CA và ngược lại).